

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2021/HS-ST

Ngày: 15 – 9 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang.
2. Ông Nguyễn Trọng Di.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 18/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HS ngày 31/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Lục Tiên S, sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị P; có vợ Đoàn Thị U và 01 con sinh năm 2019;

Tiền án: 02 tiền án:

- Bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 90/2016/HSST ngày 31/8/2016, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/02/2017.

- Bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 14/2019/HS-ST ngày 25/01/2019, chấp hành xong án phạt tù ngày 17/01/2020.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 22/10/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Dương T, sinh năm 1998, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn:

Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương B (chết) và bà Dương Thị P; Vợ, con: Không có;

Tiền án: 01 tiền án: Bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tại bản án số 339/2018/HS-ST ngày 01/10/2018 về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đã chấp hành xong thời gian thử thách của người được hưởng án treo ngày 01/10/2020.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 29/12/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Việt A, sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Thu mua phế liệu; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Việt A và bà Võ Thị H; có vợ Nguyễn Thị H và 03 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 31/12/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 39/2011/HSST ngày 09/6/2011, đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông **Lê Thanh T1**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

2. Ông **Trần Văn T2**, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Châu Văn T3**, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà **Trần Thị Phú Y**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2021 Nguyễn Lục Tiên S đi bộ đến nhà của Nguyễn Việt A chơi, Sinh mượn xe mô tô biển số 86S1 -5207 của A để đi công việc. S điều khiển xe mô tô biển số 86S1-5207 đến tiệm internet khu vực nhà ông N ở khu phố 1, thị trấn L, huyện Tuy Phong gặp Dương T, S rủ T đi trộm cắp hoa phong lan của các hộ dân bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. S điều khiển xe mô tô biển số 86S1-5207 chở T ngồi sau chạy đến khu vực đường đất thuộc khu phố 2, thị trấn L thì phát hiện nhà của ông Lê Thanh T1 nơi hàng ba trước nhà có treo một số chậu hoa phong lan nên S điều khiển xe mô tô chở T quay lại nhà của A để T vào rủ A

cùng đi trộm cắp hoa phong lan thì A đồng ý. A điều khiển xe mô tô biển số 86S1-5207 chở S và T ngồi sau chạy đến khu vực đường đất cách nhà ông T1 khoảng 28 mét theo sự chỉ dẫn của S. S và T đi đến trước hàng ba nhà của ông T1 trèo lên bậc tường thành với tay vào trong lấy trộm 01 chậu hoa lan vũ nữ, 04 chậu hoa lan hồ điệp rồi xách ra xe mô tô cho A chở S và T cùng hoa phong lan đến nhà người thân của S ở khu phố 5 thị trấn L mục đích cất giấu tìm nơi tiêu thụ. Khi đến vòng xuyên ngã 5 ở khu phố 5 thị trấn L, huyện Tuy Phong thì cả ba bị ông Châu Văn T3 cùng bạn bè phát hiện giữ 05 chậu hoa phong lan lại nhằm giao nộp cho cơ quan Công an. Lúc này, A điều khiển xe mô tô chở S và T về nhà, trên đường đi S nói “nhà kê bên trộm lan có lưới, nơi phế liệu có mua không”, A trả lời “có” nên A, S và T cùng thống nhất quay lại trộm cắp lưới. A điều khiển xe đến vị trí dừng xe để trộm lan trước đó cho S và T đi đến nơi hàng ba nhà của ông Trần Văn T2 trèo vào bên trong cùng nhau khiên 01 bao và 01 bạt bao đựng lưới dùng để đánh bắt thủy sản (lưới ghe) ra ngoài, A điều khiển xe mô tô đến cùng bỏ lưới lên xe chở về nhà A cất giấu rồi quay lại chở S và T về nhà. Sáng ngày 29/01/2021 ông Lê Thanh T1 và ông Trần Văn T2 có đơn trình báo mất tài sản cho Công an thị trấn L, còn ông Châu Văn T3 đem 5 chậu hoa lan đã thu giữ của S, T và A lúc tối ngày 28/01/2021 cho Công an thị trấn L. Công an thị trấn L mời S, T, A làm việc. Tại đây, cả ba đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chậu hoa lan vũ nữ, 04 chậu hoa lan hồ điệp là tài sản của ông Lê Thanh T1; 01 tấm lưới loại lưới ghe có chiều dài 250 mét, 10 tấm lưới mỗi tấm có chiều dài 170 mét là tài sản của ông Trần Văn T2; 01 xe mô tô gắn biển số 86S1-5207 là phương tiện phạm tội thuộc sở hữu của Nguyễn Việt A.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Tuy Phong, kết luận:

- 01 tấm lưới loại lưới ghe có chiều dài 250 mét, loại lưới đánh bắt thủy sản, cao 1 mét, lưới 1 màng, mắc lưới 12cm có phao bằng nhựa màu vàng, trị giá: $6.000 \text{ đồng/mét} \times 250 \text{ mét} \times 60\% = 972.000 \text{ đồng}$.

- 10 tấm lưới mỗi tấm có chiều dài 170 mét, loại lưới đánh bắt thủy sản, cao 01 mét, lưới 1 màng, mắc lưới 12cm có phao bằng nhựa màu vàng, trị giá: $6.000 \text{ đồng/mét} \times 10 \text{ tấm} \times 170 \text{ mét} \times 60\% = 6.120.000 \text{ đồng}$.

- 01 chậu lan vũ nữ, trị giá: $200.000 \text{ đồng/chậu} \times 1 = 200.000 \text{ đồng}$.

- 04 chậu lan hồ điệp, trị giá: $200.000 \text{ đồng/chậu} \times 4 = 800.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản định giá: 8.092.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã trao trả 01 chậu hoa lan vũ nữ, 04 chậu hoa lan hồ điệp cho ông Lê Thanh T1; trả 01 tấm lưới loại lưới ghe có chiều dài 250 mét, 10 tấm lưới mỗi tấm có chiều dài 170 mét cho ông Trần Văn T2. Ông T1 và ông Thư đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 109/CT-VKSTP-HS ngày 10/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Lục Tiên S, Dương T và Nguyễn Việt A cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, đối với bị cáo Nguyễn Lục Tiên S theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2017; Đối với bị cáo Dương T, Nguyễn Việt A theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:* Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Lục Tiên S từ 30 – 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Dương T từ 18 – 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Việt A từ 15 – 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô gắn biển số 86S1 – 5207 có số máy VTH152FMH-7013030, số khung RRHWCHORH7A013030 do đây là phương tiện phạm tội.

- *Ý kiến của các bị cáo:* Bị cáo Nguyễn Lục Tiên S, Dương T, Nguyễn Việt A đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu là đúng, không oan. Bị cáo S và bị cáo A xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Các bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, các bị hại, người làm chứng đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra; các bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường về dân sự và từ chối tham gia phiên tòa, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét thấy các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết

luận: Vào khoảng hơn 23 giờ ngày 28/01/2021 tại khu phố 2, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, các bị cáo Nguyễn Lục Tiên S, Dương T, Nguyễn Việt A cố ý cùng thực hiện 02 lần liên tục hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật của người khác, cụ thể: Lén lút chiếm đoạt 01 chậu hoa lan vũ nữ, 04 chậu hoa lan hồ điệp của ông Lê Thanh T1 có tổng trị giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Lén lút chiếm đoạt 01 tấm lưới loại lưới ghẹ có chiều dài 250 mét, 10 tấm lưới mỗi tấm có chiều dài 170 mét của ông Trần Văn T2 có tổng trị giá 7.092.000 đồng (bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Xét thấy tại bản án số 14/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 bị cáo S đã bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Hành vi của bị cáo S đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Hành vi của bị cáo Dương T, Nguyễn Việt A đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo S đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích do đó đối với lần bị cáo S trộm cắp tài sản của ông Lê Thanh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo S thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản (trộm của ông Lê Thanh T1 và ông Trần Văn T2), mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo T đã bị kết án về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành và không có sự bàn bạc từ trước, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm đã xảy ra. Xét thấy, do lòng biếng, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà không phải lao động hợp pháp, các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nên cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản bị chiếm đoạt cho các bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô gắn biển số 86S1 – 5207 có số máy VTH152FMH-7013030, số khung RRHWCHORH7A013030 của bị cáo A, đây phương tiện dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về bồi thường dân sự: Các bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Lục Tiên S, Dương T, Nguyễn Việt A cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lục Tiên S 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Dương T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt A 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô gắn biển số 86S1 – 5207 có số máy VTH152FMH-7013030, số khung RRHWCHORH7A013030 (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong)

3. Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Lục Tiên S, Dương T, Nguyễn Việt A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ